

Bản án số: 114/2025/DS-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Hưởng.
2. Ông Trần Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thanh D, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: Ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Ông Khưu Văn D, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N1, xã N, tỉnh Cà Mau
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 - 3.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N1, xã N, tỉnh Cà Mau.
 - 3.2. Ông Trần Văn Đ, sinh ngày 01/01/1975 (có đơn xin vắng)
Địa chỉ: Ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Thanh D trình bày: Vợ chồng Khưu Văn D và bà Nguyễn Thị C có tham gia nhiều dây hui do bà làm chủ hui, cụ thể như sau:

Dây hui tháng 2.000.000 đồng, 01 tháng khai một lần, khai hui lần đầu tiên ngày 12/6/2014 (âm lịch) đến tháng 09/2016 (âm lịch) là mần hui, dây hui gồm

27 phần hối, vợ chồng ông D, bà C tham gia 01 phần hối và đã hốt hối vào kỳ thứ 15. Từ sau khi hốt hối đến khi mãn hối thì vợ chồng ông D, bà C nợ bà 12 kỳ hối chết với số tiền là 24.000.000 đồng.

Dây hối tháng 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 06/9/2014 (âm lịch) mãn hối vào tháng 12/2016 (âm lịch), dây hối gồm 27 phần hối, vợ chồng ông D, bà C tham gia 01 phần hối và đã hốt hối vào kỳ hối thứ 5. Từ sau khi hốt hối đến khi mãn hối thì vợ chồng ông D, bà C nợ bà 22 kỳ hối chết với số tiền là 44.000.000 đồng.

Dây hối 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 17/4/2015 (âm lịch) mãn hối vào tháng 5/2017 (âm lịch), dây hối gồm 25 phần hối, vợ chồng ông D và bà C tham gia 01 phần hối và đã hốt hối vào kỳ hối thứ 6. Từ sau khi hốt hối đến khi mãn hối thì vợ chồng ông D, bà C nợ bà 19 kỳ hối chết với số tiền là 38.000.000 đồng.

Dây hối 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 26/01/2015 (âm lịch) mãn hối vào tháng 5/2017 (âm lịch), dây hối gồm 28 phần hối, vợ chồng ông D, bà C tham gia 1 phần hối và đã hốt hối vào kỳ hối thứ 5. Từ sau khi hốt hối đến khi mãn hối thì vợ chồng ông D, bà C nợ bà 23 kỳ hối chết với số tiền là 46.000.000 đồng.

Dây hối 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 6/9/2014 (âm lịch) mãn hối vào tháng 10/2016 (âm lịch), dây hối gồm 25 phần hối, vợ chồng ông D, bà C tham gia 1 phần hối và đã hốt hối vào kỳ hối thứ 3. Từ sau khi hốt hối đến khi mãn hối thì vợ chồng ông D, bà C nợ bà 22 kỳ hối chết với số tiền là 22.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hối chết ông D và bà C nợ bà là 174.000.000 đồng nhưng ông D, bà C đã thanh toán cho bà nhiều lần với tổng số tiền là 62.000.000 đồng còn nợ lại bà là 112.000.000 đồng. Tại giấy nợ mà bà cung cấp cho Tòa án đề ngày 12/5/2016 (âm lịch) số tiền hối ghi trong giấy nợ nhiều hơn số tiền hối còn nợ mà bà yêu cầu là do khi đó cộng tiền hối là bà và ông D tính tổng số tiền đến khi mãn hối rồi trừ đi số tiền đã đóng nên còn lại số tiền nợ là 117.000.000 đồng. Sau khi ghi giấy nợ thì ông D có thanh toán thêm cho bà số tiền 5.000.000 đồng nên đến nay chỉ còn nợ 112.000.000 đồng. Các dây hối nêu trên là hối mãn. Bà cũng đã thanh toán hối đầy đủ cho các tay em khác. Số tiền vợ chồng ông D nợ bà là tài sản chung của bà và ông Trần Văn Đ. Nay Bà yêu cầu ông D và bà C thanh toán cho bà số tiền nợ hối là 112.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là ông Khuru Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, ông D và bà C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà ông D và bà C để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp ông D và bà C nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông D và bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Đ trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà D. Số tiền hối mà ông D và bà C còn nợ là tài sản chung của ông và bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Buộc ông D và bà C có trách nhiệm thanh toán cho bà D và ông Đ số tiền hui là 112.000.000 đồng. Về án phí, ông D và bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 25 tháng 6 năm 2025, bà Huỳnh Thanh D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hui với bị đơn ông Khuru Văn D. Khi khởi kiện ông D cư trú tại ấp N1, xã N, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà Huỳnh Thanh D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Khuru Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh D về việc yêu cầu ông Khuru Văn D và bà Nguyễn Thị C thanh toán số tiền nợ hui là 112.000.000 đồng.

[2.1] Bà D xác định tính đến nay, ông D và bà C còn nợ bà số tiền hui là 112.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà D có nộp cho Tòa án giấy nợ đề ngày 12/5/2016 (âm lịch). Tại giấy nợ nêu trên có nội dung xác định ông D còn nợ bà D số tiền nợ hui là 117.000.000 đồng, trong giấy nợ có chữ ký và chữ viết của ông Khuru Văn D.

[2.2] Ngoài ra, bà D có cung cấp cho Tòa án 05 danh sách hui có ghi tên Cẩm + Diệu, các danh sách hui này phù hợp với thông tin các dây hui mà bà D trình bày. Đồng thời, tại biên bản xác minh những người làm chứng là bà Võ Thị Hằng, bà Phạm Thị Thủy Trang, bà Trần Hồng Diễm, bà Nguyễn Thị Ngọc, bà Đặng Thị Thu Đào, bà Nguyễn Thị Thương, anh Nguyễn Văn Trừ, bà Phạm Thị Liên, bà Huỳnh Thị Tuyết Linh, chị Huỳnh Hồng Cẩm đều xác định có tham gia hui chung với ông D, bà C và ông D, bà C đã hốt hui trước họ, các phần hui ông D, bà C tham gia đều đã là hui chết. Các dây hui này đều đã mãn hui và bà D đều đã thanh toán hui đầy đủ cho những người tham gia hui.

Từ các phân tích trên, có cơ sở xác định ông D và bà C có tham gia hui do bà D làm chủ hui, đã hốt hui mà chưa thanh toán hui chết cho bà D với số tiền là

112.000.000 đồng. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường thì thành viên có nghĩa vụ “*tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác*”. Ông D và bà C đã hốt hội trước các thành viên khác còn lại trong dây hội đã tham gia nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ góp các phần hội để các thành viên khác còn lại được hốt. Hiện nay các dây hội đã mất, bà D và ông Đ đã thay ông D và bà C thực hiện nghĩa vụ thanh toán hội cho những người tham gia hội khác. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Bản thân bà D xác định số tiền mà ông D và bà C còn nợ là tài sản chung của bà và ông Đ. Vì vậy, buộc ông D và bà C thanh toán cho bà D và ông Đ số tiền nợ hội là 112.000.000 đồng.

[2.3] Do bà D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tiền lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên ông D và bà C phải chịu số tiền án phí là 5.600.000 đồng. Bà D đã nộp tạm ứng án phí 2.800.000 đồng theo biên lai số 0011422 ngày 08/7/2025 được hoàn lại tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh D đối với ông Khuru Văn D và bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ hội là 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng).

Buộc ông Khuru Văn D và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Huỳnh Thanh D và ông Trần Văn Đ số tiền nợ hội là 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Khuru Văn D và bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền án phí là 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau. Bà Huỳnh Thị Diệu đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011422 ngày 08/7/2025 được hoàn lại tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu